CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Tập đoàn Đất Xanh

Ngày 31/03/2025	15,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.8%	**2.9%**	**-1.4%**

DT thuần
Q1/25
925
tỷ VNĐ
QoQ: ▼604| -39.5%
YoY: ▼140| -13.2%

LN thuần
Q1/25
158
tỷ VNĐ
QoQ: ▼126| -44.5%
YoY: ▲ 21.0| 15.1%

LN sau thuế
Q1/25
78.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼132| -62.6%
YoY: ▲ 0.90| 1.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
30.9%
YoY: +/-▲ 3.3%

ROE (TTM)
Q1/25
1.7%
YoY: +/-▼ 0.1%

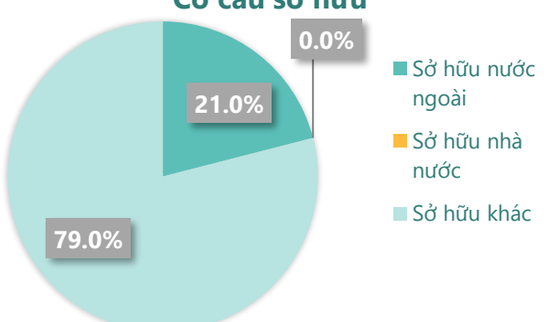
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	11,704 - 19,955
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	13,759
Số lượng CPLH (CP)	870,849,983
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,976,045
Sở hữu nước ngoài	21.0%
Beta	2.05
EPS	310
P/E	51.0

DT thuần
2024
4,795
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,070| 28.7%

LN thuần
2024
680
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 243| 55.4%

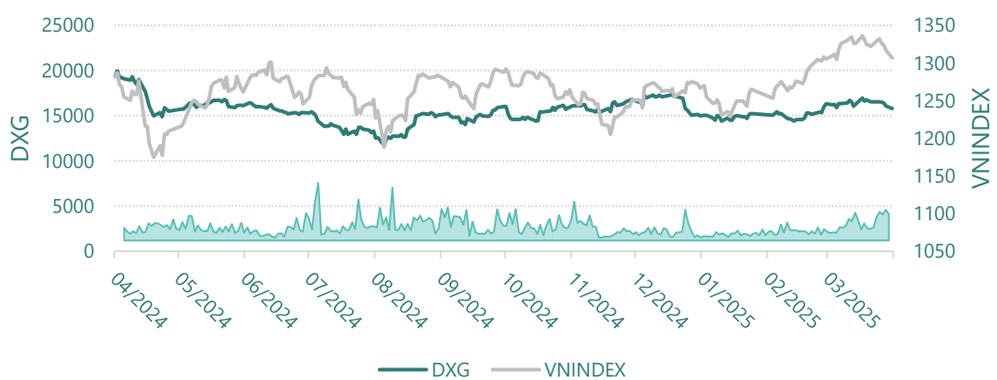
LN sau thuế
2024
453
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 303| 202%

Cơ cấu sở hữu

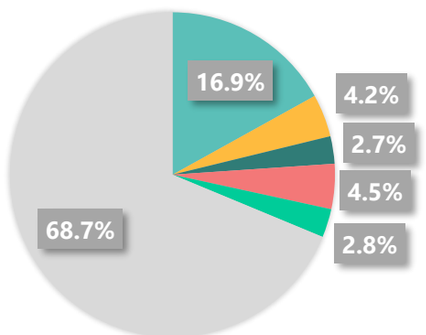


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

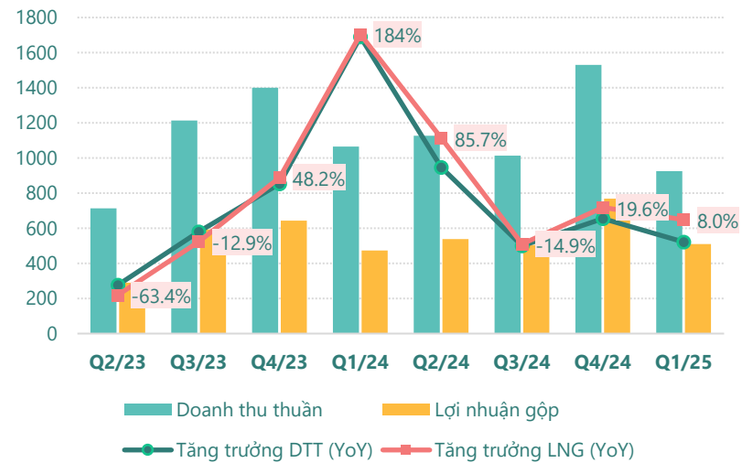


- Lương Trí Thìn (Thành viên HĐQT)
- Vietnam Enterprise Investments Ltd
- Norges Bank
- CTCP Đầu tư NAV
- KIM Vietnam Growth Equity Fund
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

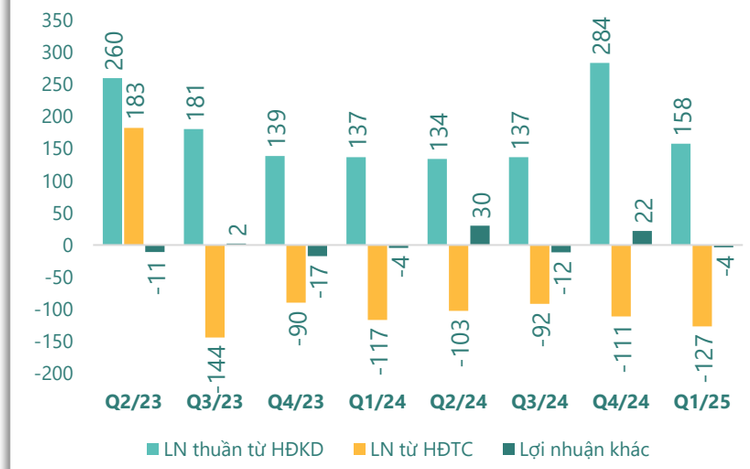
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



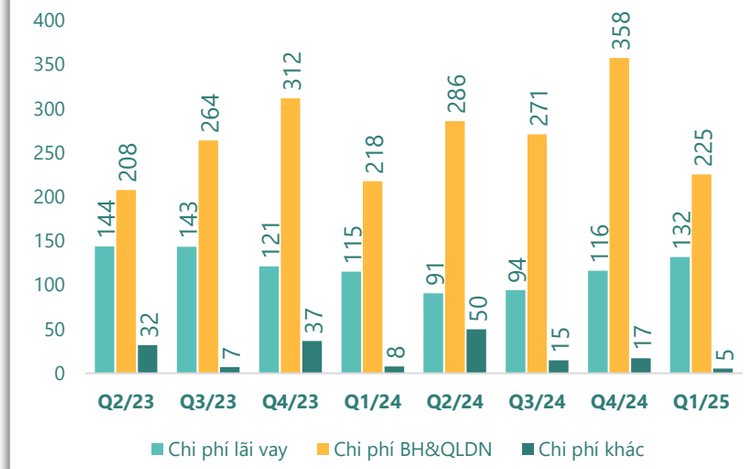
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



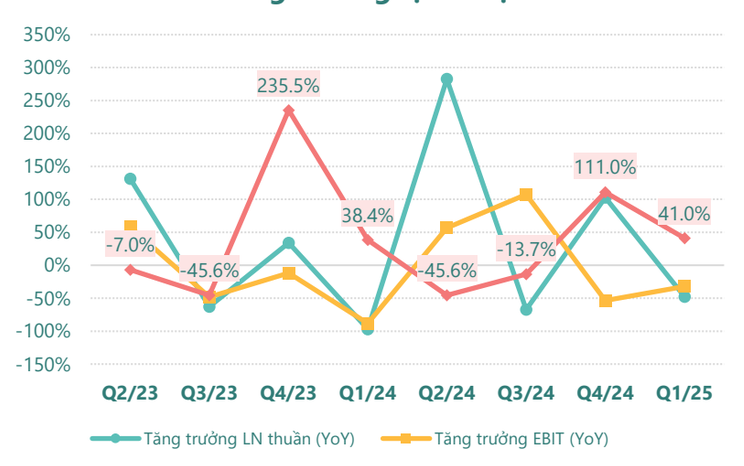
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



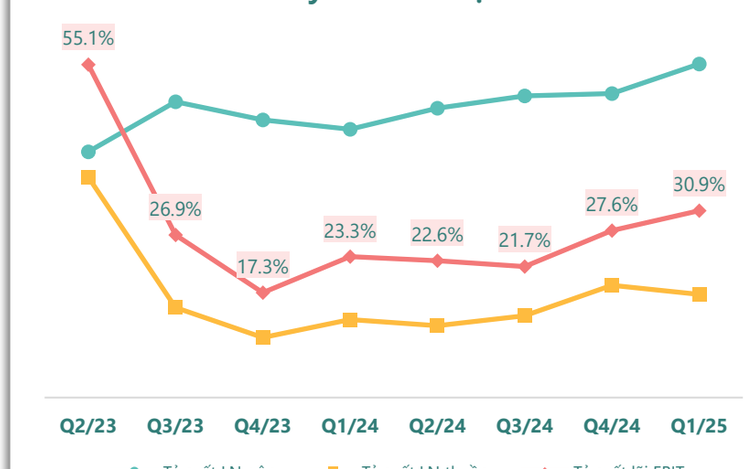
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



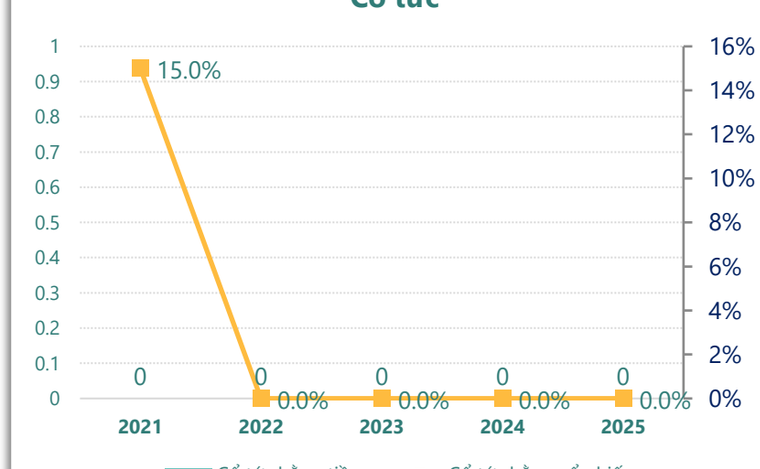
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



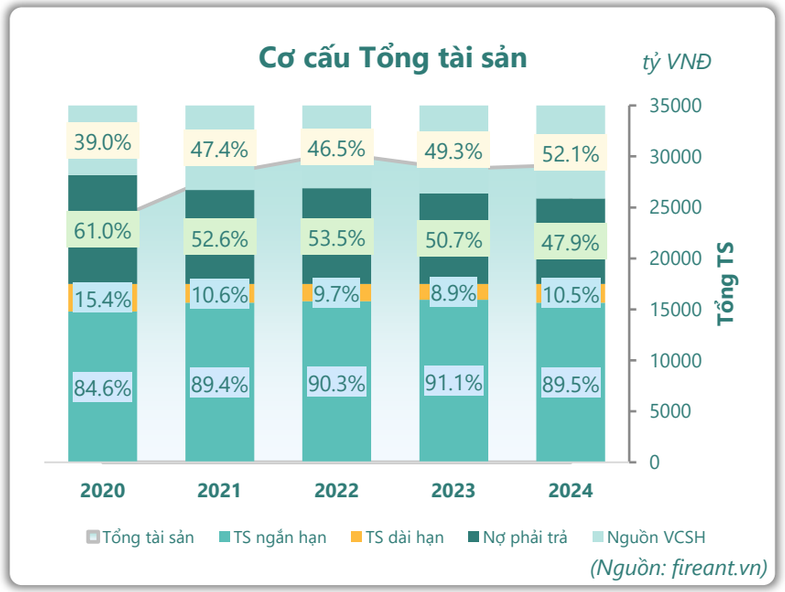
(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

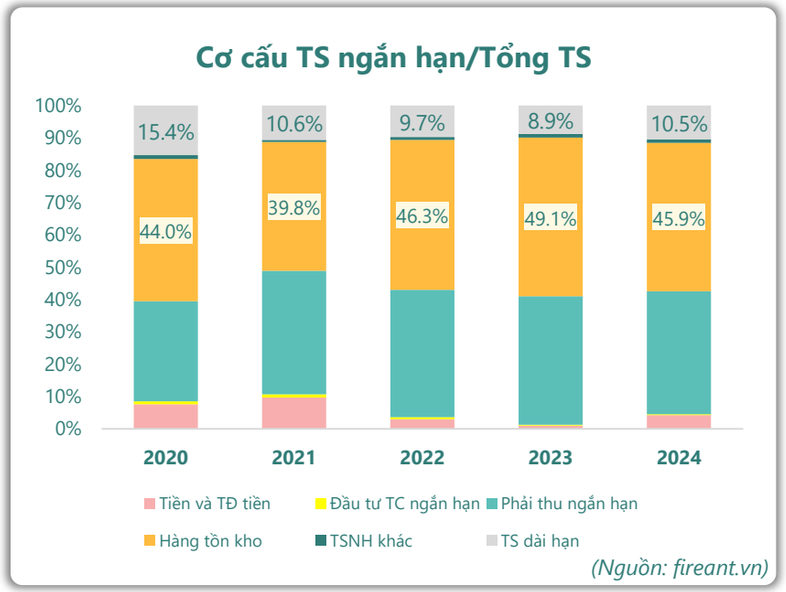


(Nguồn: fireant.vn)

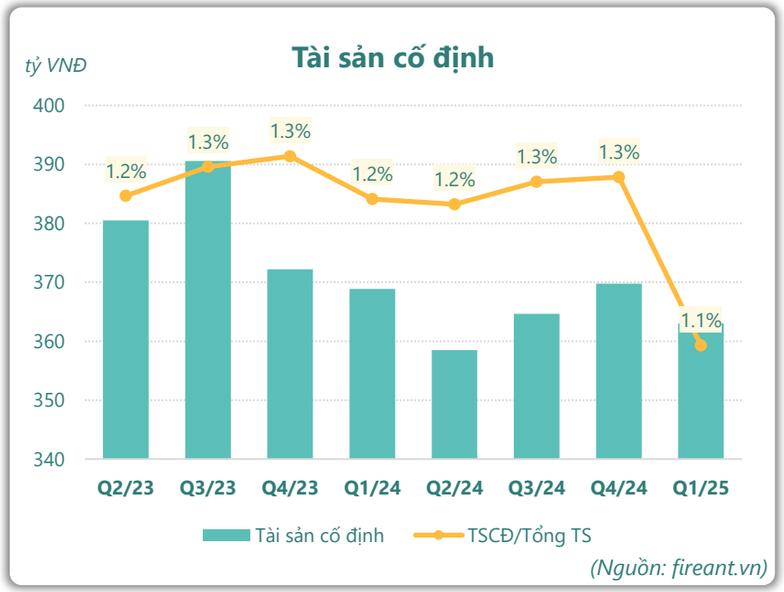
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN



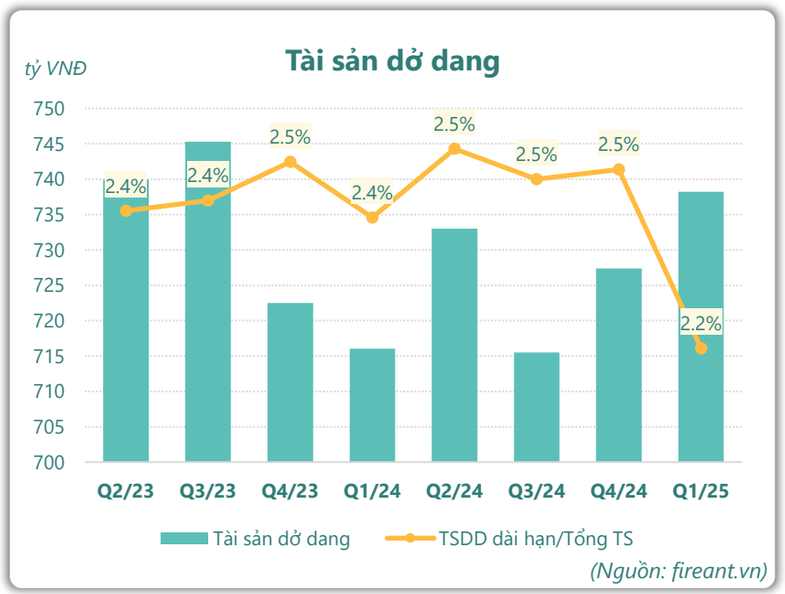
(Nguồn: fireant.vn)



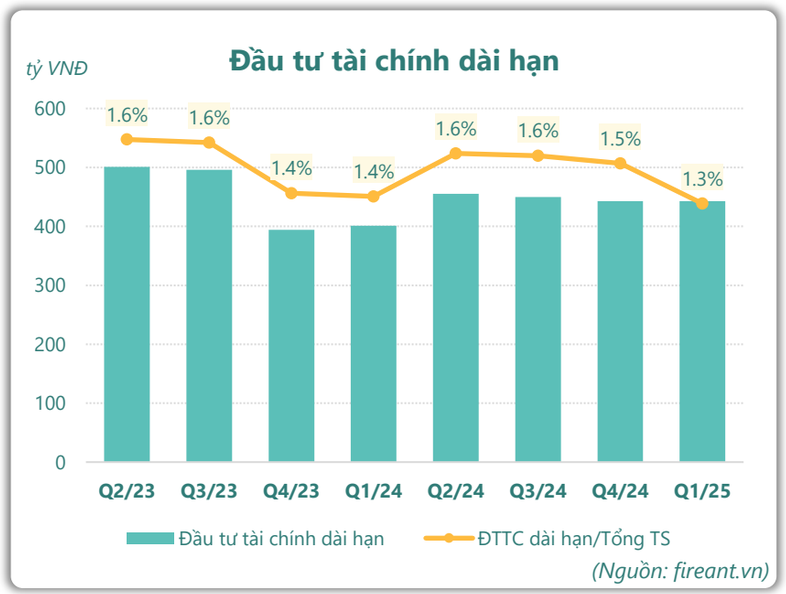
(Nguồn: fireant.vn)



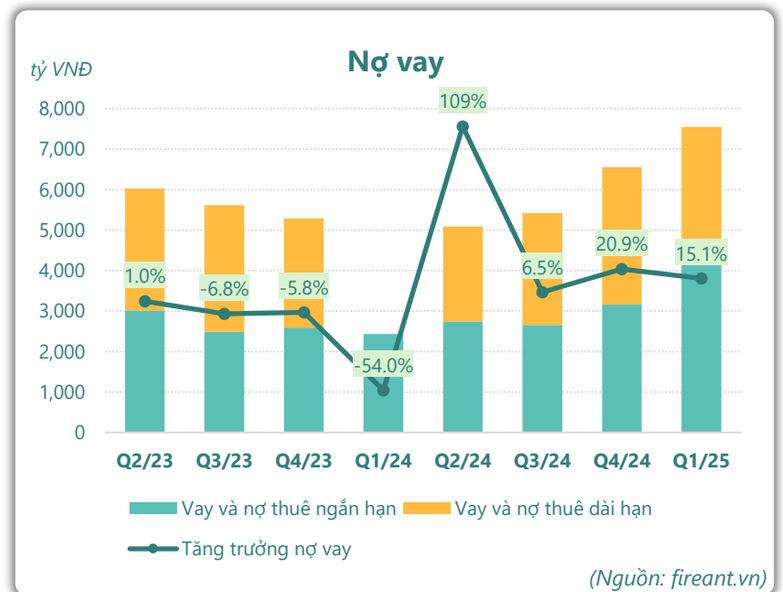
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



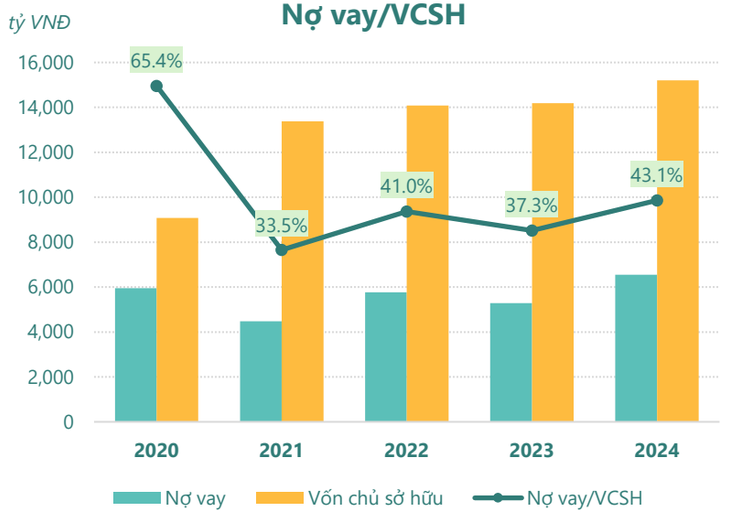
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

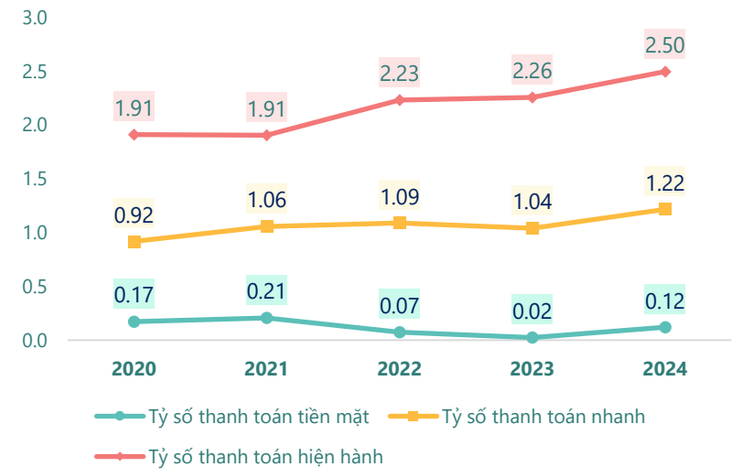
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



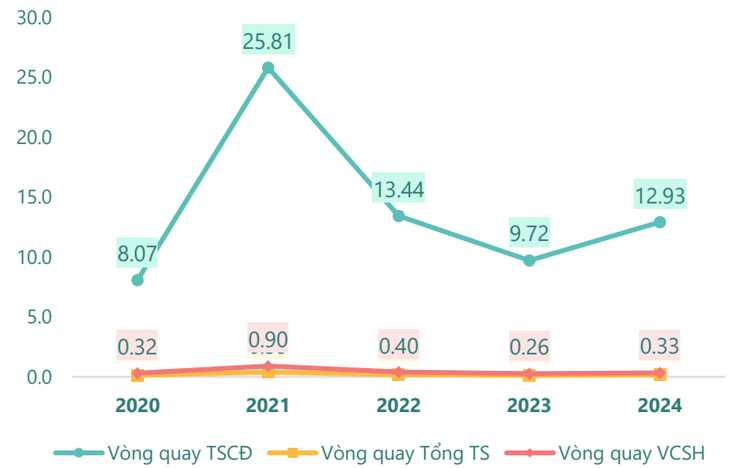
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



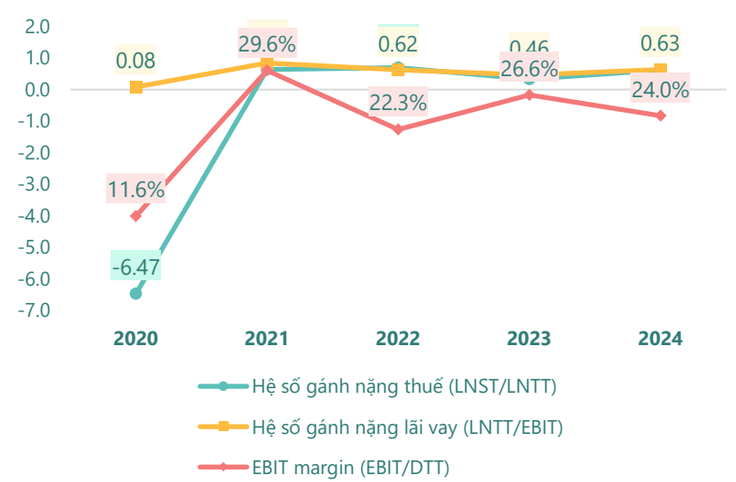
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



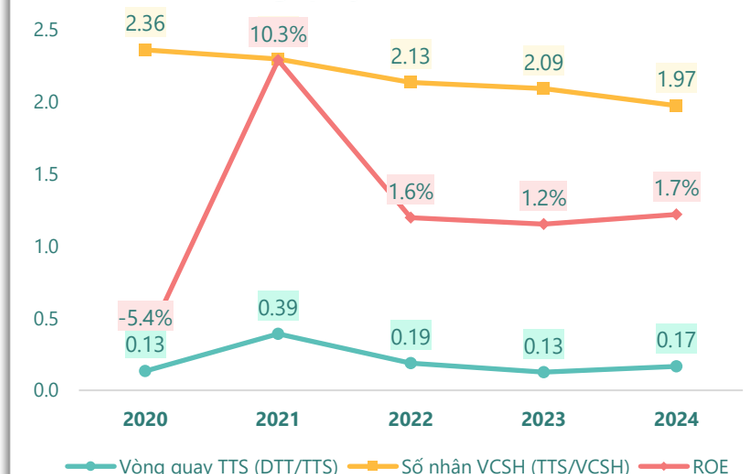
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



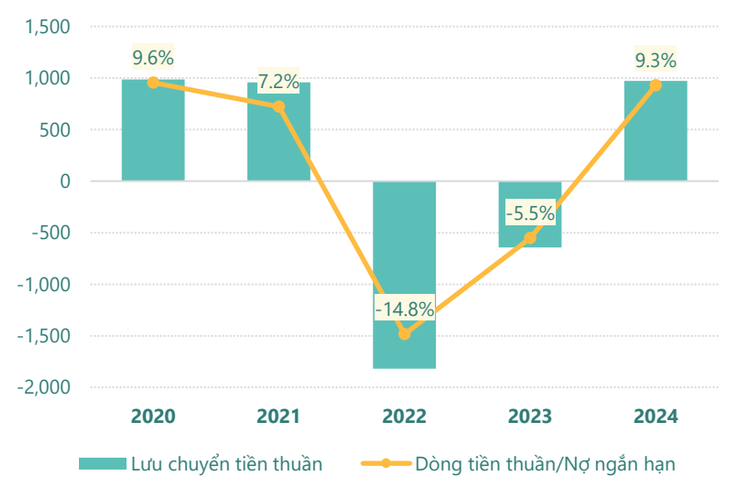
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**925**	**1,065**	**-13.2%**	**4,795**	**3,725**	**28.7%**
Giá vốn hàng bán	415	592	-30.0%	2,490	2,014	23.6%
Lợi nhuận gộp	510	472	8.1%	2,306	1,710	34.8%
Doanh thu HĐTC	11.7	8.42	39.0%	47.8	409	-88.3%
Chi phí TC	139	125	11.0%	470	593	-20.8%
Chi phí lãi vay	132	115	14.5%	420	537	-21.7%
LN trong công ty LKLD	**0.02**	**-1.00**	**102%**	**-38.4**	**-112**	**65.8%**
Chi phí bán hàng	146	145	0.9%	735	586	25.4%
Chi phí QLDN	**79.2**	**72.8**	**8.9%**	**431**	**391**	**10.2%**
LN thuần từ HĐKD	158	137	15.1%	680	437	55.4%
Lợi nhuận khác	**-3.52**	**-4.42**	**20.4%**	**50.7**	**15.8**	**221%**
LN trước thuế	154	133	16.0%	730	453	61.1%
Lợi nhuận sau thuế	**78.5**	**77.6**	**1.2%**	**453**	**150**	**202%**
LNST của CĐ cty mẹ	**48.4**	**31.3**	**54.5%**	**256**	**172**	**48.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-375	-34.2	-427	-270	-590	1,130
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	267	22.1	219	-22.9	-399	-61.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-260	1,135	-122	328	1,133	2,789
Tiền đầu kỳ	644	276	1,399	1,070	1,105	1,249
Lưu chuyển tiền thuần	**-368**	**1,123**	**-330**	**35.5**	**144**	**3,858**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	276	1,399	1,070	1,105	1,249	5,107

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**33,660**	**29,183**	**15.3%**
Tài sản ngắn hạn	30,676	26,133	17.4%
Tiền và tương đương tiền	5,107	1,249	309%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	84.8	77.9	8.9%
Phải thu ngắn hạn	11,794	11,090	6.3%
Hàng tồn kho	13,387	13,406	-0.1%
Tài sản ngắn hạn khác	304	311	-2.1%
Tài sản dài hạn	**2,984**	**3,050**	**-2.2%**
Phải thu dài hạn	791	804	-1.7%
Tài sản cố định	363	370	-1.8%
Bất động sản đầu tư	150	153	-1.6%
Tài sản dở dang	738	735	0.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	443	443	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**387**	**427**	**-9.3%**
Lợi thế thương mại	112	118	-5.6%
Nợ phải trả	16,578	13,981	18.6%
Nợ ngắn hạn	**13,054**	**10,466**	**24.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4,225	3,230	30.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	750	729	3.0%
Nợ dài hạn	3,524	3,515	0.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	3,320	3,325	-0.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**17,082**	**15,202**	**12.4%**
Vốn chủ sở hữu	**17,082**	**15,202**	**12.4%**
Vốn điều lệ	8,726	7,225	20.8%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)